

25/04/2023

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-144103

Khách hàng: VIN-919

Nhà cung cấp: 2003606

Nhiệt độ yêu cầu:

Số xe:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING
NGOC THOM-C

Giờ xe đến:

Giờ nhận hàng:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Loại hàng: HÀNG MẬT

Loại xe giao hàng:

Giờ kết thúc:

Tình trạng kiện hàng: ☐ Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Mốp mếu ☐ Ướt, chảy nước ☐

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Tên kho	Số SO	Nhận hàng thực tế			Ghi chú
					Net(kgs)	Gross	Thùng Khay2.5 Khay1.6	
22	CROSS DOCKING - C	3794	NHA TRANG-8 Ng	4148930708	13.5	13.5	1	
22	CROSS DOCKING - C	4867	KIÊN GIANG- 21 Ng	4148903738	4.0	4.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4621	LONG AN-468 Ng	4148863684	5.0	5.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4572	AN GIANG- 77 Ung	4148912125	9.1	9.1	1	
22	CROSS DOCKING - C	4560	TIỀN GIANG-200 N	4148862646	8.0	8.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4558	AN GIANG-4Bis Lê	4148902200	14.0	14.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4530	CẦN THƠ-44-46 BÙ	4148873812	4.2	4.2	1	
22	CROSS DOCKING - C	4501	CẦN THƠ-13-15 Xu	4148822182	4.0	4.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4296	CẦN THƠ- 90A2-92	4148928190	3.4	3.4	1	
22	CROSS DOCKING - C	4292	CẦN THƠ-184 Trần	4148774558	5.0	5.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4257	VŨNG TÀU-193 Bin	4148847308	8.0	8.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	4224	VŨNG TÀU-1481 Đ	4148944229+4148847077	18.6	18.6	1	
22	CROSS DOCKING - C	4150	VŨNG TÀU-Thừa 4	4148848620	8.1	8.1	1	
22	CROSS DOCKING - C	1524	NT-NHA TRANG M	4148850240	12.0	12.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3902	CẦN THƠ-Thừa 12	4148931079	12.5	12.5	1	
22	CROSS DOCKING - C	4963	CÁ MAU- 81 Hùng V	4148907783	3.5	3.5	1	
22	CROSS DOCKING - C	3788	VŨNG TÀU-209 Ng	4148891983+4148847999	14.2	14.2	1	
22	CROSS DOCKING - C	3735	CẦN THƠ-21-22 VỎ	4148863368	8.0	8.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3551	CẦN THƠ-VO VAN	4148823434	6.0	6.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3444	Vũng Tàu-890 Đườ	4148847556	9.0	9.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3425	Vũng Tàu-CC Chí Li	4148906516	5.0	5.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3424	VŨNG TÀU- 410- 41	4148862075	8.0	8.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	3396	Vũng Tàu- 56 Bình	4148847374	4.8	4.8	1	
22	CROSS DOCKING - C	3331	Vũng Tàu-602 Trươ	4148900356	3.3	3.3	1	
22	CROSS DOCKING - C	3234	NHA TRANG- 124B	4148902615	6.0	6.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	1703	VM-Bạc Liêu-2	4148934941	14.0	14.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	1679	NINH HÒA	4148926671	28.0	28.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	1642	NHA TRANG-TRẦN	4148908733	11.0	11.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	1599	KIÊN GIANG-RẠCH	4148939499	6.8	6.8	1	
22	CROSS DOCKING - C	4130	CẦN THƠ 160 Trần	4148926913	3.0	3.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6354	KIÊN GIANG- 250 L	4148948288	7.0	7.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6874	AN GIANG- 662 Trầ	4148905010	3.0	3.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6818	TÂY NINH- 245 Lạc	4148904689	5.0	5.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6799	AN GIANG- Tổ 1, Đ.	4148893767	9.0	9.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6719	NHA TRANG-34 Hò	4148898304	5.0	5.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6704	TIỀN GIANG- VỎ D	4148932218	4.0	4.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6691	AN GIANG-54-56 N	4148901487	6.0	6.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6652	VŨNG TÀU-172A Tr	4148848133 CNK	4.2	4.2	1	
22	CROSS DOCKING - C	6593	VŨNG TÀU- 221 Trầ	4148879182	6.5	6.5	1	
22	CROSS DOCKING - C	6590	VŨNG TÀU- 764 Đư	4148847970	6.0	6.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6571	LONG AN- 16 Ng	4148799450	4.0	4.0	1	
22	CROSS DOCKING - C	6537	AN GIANG- 582 đư	4148897404	3.5	3.5	1	
22	CROSS DOCKING - C	6535	VŨNG TÀU- T33 Tổ	4148912276	6.0	6.0	1	

	CROSS DOCKING - C	6515	AN GIANG-140+142	4148892021	2.8	2.8	1
	CROSS DOCKING - C	4932	KIÊN GIANG- 37 đư	4148912960	9.0	9.0	1
	CROSS DOCKING - C	5549	KIÊN GIANG-327 N	4148859910	12.0	12.0	1
	CROSS DOCKING - C	6897	VŨNG TÀU-2B Lươ	4148848590	5.1	5.1	1
22	CROSS DOCKING - C	5106	BẾN TRE- 298F Khu	4148906696	7.0	7.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5118	BẾN TRE-261K Đư	4148894820	3.0	3.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5126	VŨNG TÀU-159 Lê	4148905782	7.9	7.9	1
22	CROSS DOCKING - C	5130	KIÊN GIANG- Lô L7	4148908218	11.5	11.5	1
22	CROSS DOCKING - C	6426	VŨNG TÀU- TR4, T	4148912059	6.7	6.7	1
22	CROSS DOCKING - C	5498	TRÁ VINH-120 Trần	4148879059	5.0	5.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6404	VŨNG TÀU+171 Ng	4148874072	10.0	10.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5707	AN GIANG-225 đườ	4148948152	5.0	5.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5839	VŨNG TÀU- 55 Võ	4148848675	6.0	6.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5999	CẦN THƠ- 131-133	4148875431	4.0	4.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6005	NHA TRANG-Cần s	4148879346	4.5	4.5	1
22	CROSS DOCKING - C	6286	NHA TRANG Lô 98-	4148940697	3.5	3.5	1
22	CROSS DOCKING - C	4961	KIÊN GIANG- 208 N	4148879297	6.0	6.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5172	TRÁ VINH- 21 KHỎ	4148912172	4.0	4.0	1
TOTAL:					442.20	442.20	61
GRAND TOTAL:					442.20	442.20	61

SCSVN

Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Swire

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong

emergent cold
CÔNG TY TNHH EMERGENT COLD VIỆT NAM
Số 15, Đường số 8, KCN Sóng Thần 1
P. Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Tel: 0274 3737690
Email: songthan.ops45@lineagelogistics.com

Nguyễn Thị Hiền

25/04

Kh

Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Nguyễn Văn An



Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information) CHI NHÁNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP WINCOMMERCE 19 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam MST: 0104918404-047	Thông tin đơn hàng (Information) Số đơn hàng (PO No.) 4148848133 Ngày đặt hàng (PO date) 20.04.2023 Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC Người đặt hàng (Purchaser) Nguyễn Văn An Số điện thoại Email annv@winmart.masangroup.com Ngày giao (Delivery Date) 27.04.2023 Ghi chú
Địa chỉ giao hàng (Delivery Address) Số 52-WM+ VTU 172A Trương Công Định 172A Trương Công Định, P. 3, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam Số điện thoại 1066866-66521	
Nhà cung cấp (Supplier): 0002003806 CTY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM 12/14/18 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức,	

Stt (No.)	Tên hàng (Item Description)	Mã vạch (Barcode)	Số lượng (Quantity)	ĐVT (Unit)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (VND) (Amount)
10	10005981 THU HẰNG Bắp bò muối gói 200g	8938508668137	6	G1	87,787	526,722
20	10005984 THU HẰNG Chân giò heo muối gói 300g	8938508668014	3	G1	73,431	220,293
30	10005986 THU HẰNG Gà muối gói 500g	8938508668212	3	G1	111,058	333,174
40	10005987 THU HẰNG Tai heo muối gói 200g	8938508668328	3	G1	55,595	166,785
Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)						1,246,974
- 5% (VAT)						0
- 8% (VAT)						0
- 10% (VAT)						124,697.4
- 15% (VAT)						0
Thuế GTGT (VAT Amount)						124,697.4
Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)						1,371,671.4

CNK

Người lập đơn hàng
(Created By)

Quản lý ngành hàng
(Department Manager)

Quản lý siêu thị
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2
(Regional Director)